TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST Ngày 18-10-2021 V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hùng.

Ông Đặng Công Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Võ Hồng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bạch Thị L; sinh năm 1983; cư trú tại: tổ 08, thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Kim S; sinh năm 1959; cư trú tại: Hàn Quốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Bạch Thị L, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Kim S gặp gỡ, tìm hiểu nhau, rồi tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10-01-2019. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống với nhau tại thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về ngôn ngữ, phong tục tập quán, cũng như về độ tuổi quá chênh lệch; dẫn đến ông Kim S thường xuyên xúc phạm và đánh đập bà, kể cả con riêng của bà; mâu thuẫn giữa vợ chồng được chính quyền địa phương can thiệp, giải quyết nhưng không có hiệu quả. Do mâu thuẫn kéo dài và không thể hòa giải nên sống với nhau một thời gian ngắn thì ông Kim S bỏ về Hàn Quốc còn bà thì vẫn ở Việt Nam. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng của bà là được ly hôn với ông Kim S.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Kim S không có con chung; không có tài sản chung và không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Kim S không có văn bản phản hồi cho Tòa án về yêu cầu xin ly hôn của bà Bạch Thị L, cũng như không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 126 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bạch Thị L đối với ông Kim S.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Bạch Thị L là công dân Việt Nam; cư trú tại tổ 08, thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn ông Kim S; quốc tịch Hàn Quốc; cư trú tại địa chỉ: Hàn Quốc, nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền chung của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, Việt Nam, theo quy

định tại các Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài là bị đơn ông Kim S bằng đường ngoại giao theo pháp luật tương trợ tư pháp. Cụ thể, Tòa án đã ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc cấp tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Bạch Thị L đối với ông Kim S và yêu cầu ông Kim S gửi văn bản phản hồi cho Tòa án; đồng thời, thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; cũng như thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên tòa, theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đến ngày 22-6-2021, Chi nhánh Suncheon của Tòa án Gia đình Gwangju đã tống đạt giấy tờ cho ông Kim S tại địa chỉ Tòa nhà 102 – phòng số 301 tại căn hộ chung cư Susia, 43 Seosan-gil, Gwangyang-eup, Gwangyang-si, Hàn Quốc bằng một trong các phương thức đã được phép tại Điều 5 Công ước 1965. Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Kim S không đến Tòa án để tham gia tố tụng, cũng như không gửi lời khai, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và đến ngày mở phiên tòa lần thứ nhất thì ông Kim S cũng không có mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất, theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa mở lần thứ hai ông Kim S vẫn không có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Kim S, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn ông Kim S của bà Bạch Thị L thì thấy, do mỗi người ở một nơi, vợ chồng không thể sống gần nhau để yêu thương, chăm sóc cho nhau và cho gia đình, nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Đến nay, bà L xác định không còn tình cảm vợ chồng đối với ông Kim S nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu xin ly hôn ông Kim S của bà L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Bà Bạch Thị L và ông Kim S không có con chung; không có tài sản chung; không có nợ chung, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà Bạch Thị L phải chịu, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài bà Bạch Thị L phải chịu, theo quy định tại Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp Tòa án Gia đình Gwangju không thu, nên hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai số 0002819 ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 153, Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bạch Thị L đối với ông Kim S.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Bạch Thị L được ly hôn với ông Kim S.

2. Về án phí dân sự: Bà Bạch Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002784 ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng khác:

Lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài bà Bạch Thị L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0002818 ngày 20 tháng 01 năm 2021, của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà L đã nộp đủ lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Hoàn trả cho bà Bạch Thị L 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp đã nộp theo biên lai số 0002819 ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Bạch Thị L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Kim S không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân huyện Phú Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Hà Nam